

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 131/2024/DS - PT

Ngày: 19 - 8 - 2024

V/v Tranh chấp chia di sản thừa kế theo di chúc là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất và tranh chấp chia tài sản chung trong hộ là quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Hùng

Các Thẩm phán:

Ông Trần Văn Lực

Ông Phạm Văn Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bé Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 184/2024/TLPT-DS ngày 11 tháng 7 năm 2024 về việc “*Tranh chấp chia di sản thừa kế theo di chúc là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất và tranh chấp chia tài sản chung trong hộ là quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2024/DS - ST ngày 20 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 74/2024/QĐ-PT ngày 25 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Chị Phạm Thị L, sinh năm 1972 (có mặt)

2. Anh Lưu Hoàng N, sinh năm 1979 (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

3. Anh Lưu Hoàng T, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Anh Phan Văn P, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Phan Tấn Đ, sinh năm 1976 (có mặt)

2. Bà Đặng Thị L1, sinh năm 1959 (có mặt)

3. Bà Đặng Thị Đ1, sinh năm 1954 (xin giải quyết vắng mặt)

4. Ông Phan Văn Đ2, sinh năm 1955 (xin giải quyết vắng mặt)

5. Ông Nguyễn Văn Ý, sinh năm 1964 (xin giải quyết vắng mặt)

6. Chị Trịnh Thị Thu H, sinh năm 1974 (xin giải quyết vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Te Te 1, xã Tân Hùng, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh

7. Em Phan Minh T1, sinh năm 2013 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp Phan Minh T1: Anh Phan Văn P, sinh năm 1976 và chị Trịnh Thị Thu H sinh năm 1974. Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

8. Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày: Cụ Bùi Thị B, sinh năm 1935 (chết ngày 01/02/2017) là bà ngoại của chị Phạm Thị L, anh Lưu Hoàng N, anh Lưu Hoàng T, anh Phan Văn P, anh Phan Tấn Đ. Khi còn sống cụ B có 03 thửa đất: Thửa 608, diện tích 4.200m²; thửa 776, diện tích 1.932,5m²; thửa 248, diện tích 1.017,5m²; cùng tọa lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh; nguồn gốc đất là cụ B được cha mẹ cho. Các thửa đất trên cụ B đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (thửa đất số 608 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1996; Thửa đất số 248, 776 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2012). Trên thửa đất 776 có 01 căn nhà cũ và 01 căn nhà tình nghĩa.

Ngày 22/01/2014, cụ B có lập di chúc để phân chia tài sản và được Ủy ban nhân dân xã T chứng thực vào ngày 23/01/2014 và cụ B giao Tờ di chúc này cho bà Đặng Thị L1 cất giữ. Về hàng thừa kế thứ nhất của cụ B gồm có: Bà Đặng Thị L2 (chết năm 1974), bà L2 có 01 người con gái là chị Phạm Thị L; bà Đặng Thị L1; bà

Đặng Thị Đ1. Cụ B không có con nuôi; cha, mẹ và chồng cụ B đều đã chết. Theo Tờ di chúc thì cụ B phân chia di sản như sau:

Chia cho chị Phạm Thị L được hưởng 2.000m², anh Lưu Hoàng N được hưởng 1.100m², anh Phan Tấn Đ được hưởng 1.100m², thuộc thửa đất số 608, tờ bản đồ số 06, loại đất trồng lúa, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Chia cho anh Phan Văn P được hưởng 1.000m², thửa 776, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Chia cho anh Lưu Hoàng T được hưởng phần còn lại của thửa 776, 248 sau khi đã trừ đi căn nhà thờ cúng và phần diện tích đất 1.000m² chia cho anh P hưởng tại thửa 776, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Còn lại là phần căn nhà thờ cúng, người nào thờ cúng thì người đó hưởng nhưng không được quyền sang bán.

Nay chị Phạm Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế theo di chúc cho chị được hưởng diện tích đất 2.000m², loại đất lúa, thuộc thửa 608, phần di sản còn lại yêu cầu phân chia như trong di chúc. Chị L không đồng ý yêu cầu phản tố của anh P về việc chia tài sản chung trong hộ cho anh P được hưởng ½ diện tích các thửa đất 608, 776, 248. Đối với diện tích đất bị thu hồi tại thửa 776, 248, anh T, anh P đã nhận tiền bồi thường, chị L không tranh chấp. Căn nhà thờ cúng hiện do anh P đang thờ cúng thì anh P được quản lý theo di chúc.

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lưu Hoàng N trình bày: Anh Lưu Hoàng N thống nhất với lời trình bày và ý kiến của chị L như nêu trên, anh cũng thống nhất về hàng thừa kế của cụ B. Anh là con của bà Đặng Thị L1. Theo như di chúc cụ B để lại thì anh được hưởng diện tích đất bằng 1.100m² (thực đo 1.108,2m²) loại đất lúa, thuộc thửa 608, tờ bản đồ số 6, tọa lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh, anh yêu cầu được hưởng diện tích đất trên. Đối với diện tích đất bị thu hồi tại thửa 776, 248, anh T, anh P đã nhận tiền bồi thường xong, anh cũng không tranh chấp và căn nhà thờ cúng hiện do anh P đang thờ cúng thì anh P được quản lý theo di chúc.

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lưu Hoàng T trình bày: Anh Lưu Hoàng T thống nhất với lời trình bày và ý kiến của chị L như nêu trên, anh cũng thống nhất về hàng thừa kế của cụ B. Anh là con của bà Đặng Thị L1. Anh cũng thừa nhận, năm 1994, anh Phan Văn P có nhập khẩu chung với cụ B nhưng không sống cùng. Năm 2011, anh P mới về sống cùng cụ B cho đến khi bà B chết. Anh cũng thừa nhận khi anh P về sống với cụ B thì di sản của cụ B do anh P quản lý, canh tác cho đến nay. Tại thửa 248 có diện tích đất bị thu hồi 230,7m² để mở đường giao thông nối liền xã T đến xã N, anh T đã nhận được số tiền bồi

thường 32.298.000 đồng. Theo di chúc ai thờ cúng thì người đó được quản lý căn nhà thờ cúng có dính căn nhà tình nghĩa, hiện tại anh Phụng thờ c thì anh T cũng thống nhất cho anh P quản lý nhưng diện tích đường đi từ đường nhựa vào căn nhà thờ cúng phải hợp lý, theo anh 01m ngang đi vào căn nhà thờ cúng là đủ. Anh P được hưởng 1.000m² tại thửa 776 (bao gồm cả diện tích đất bị thu hồi tại thửa 776 là 199,2m²) diện tích còn lại tại thửa 248 và 776 anh được hưởng (Bao gồm diện tích đất thu hồi tại thửa 248 là 230,7m²).

Tại đơn phản tố và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phan Văn P trình bày: Anh Phan Văn P là con của bà Đặng Thị Đ1. Anh cũng thống nhất với chị L trình bày về hàng thừa kế của cụ B và thực trạng diện tích đất các thửa 248, 608, 776. Tại thửa 776 có 01 căn nhà thờ cúng và 01 căn nhà tình nghĩa do anh đang quản lý. Diện tích đất tranh chấp tại thửa 776 có phần giảm là do đất bị thu hồi 199,2m² để mở đường giao thông nối liền xã T đến xã N, anh đã giao đất và nhận được số tiền bồi hoàn 29.366.400. Các thửa đất 776, 248, 608 là của cụ B đại diện hộ đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ nhỏ anh đã nhập hộ khẩu vào hộ của cụ B, từ năm 1990 đến năm 1994 anh sống chung với cụ B; từ năm 1994 anh về sống chung với gia đình đến năm 2011 anh về sống chung với cụ B cho đến cụ B chết. Anh quản lý, sử dụng, canh tác các thửa 248, 608, 776, nguồn gốc các thửa đất là của cụ B được cha mẹ chồng cho cụ B; đất đã lên liếp sẵn, anh chỉ gìn giữ, không có tu bổ gì thêm. Anh có trồng thêm 35 cây dừa từ 03 đến 07 năm tuổi. Năm 2013, cụ B không còn minh mẫn, lúc nhớ lúc không nên việc cụ B lập di chúc vào năm 2014 là không có nhưng anh không yêu cầu giám định chữ ký, dấu lấn tay của cụ B trong tờ di chúc. Do anh là thành viên trong hộ và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho cụ B đại diện hộ đứng tên nên ½ diện tích các thửa đất trên là của anh. Nay anh có yêu cầu phản tố như sau: Đất tại thửa các 248, 608 và 776 thì anh yêu cầu hưởng ½ diện tích. Còn lại ½ diện tích đất trừ ra phần diện tích 01 căn nhà thờ cúng và 01 căn nhà tình nghĩa (tính diện tích căn nhà tình nghĩa và căn nhà thờ cúng là tính mí lộ thẳng vào bao trùm lên 02 căn nhà) anh quản lý, phần còn lại là của cụ B thì chia theo di chúc. Đối với cây trồng của cụ B có sẵn trên đất và 35 cây dừa do anh trồng, Tòa án giải quyết phân chia cho ai hưởng gắn liền với dừa của anh trồng thì anh cũng đồng ý cho người đó hưởng không phải hoàn lại giá trị cho anh hưởng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Tấn Đ trình bày: Anh Phan Văn Đ3 thống nhất với lời trình bày và ý kiến của anh P như nêu trên. Anh cũng thống nhất về hàng thừa kế của cụ B. Anh là con của bà Đặng Thị Đ1. Theo như di chúc cụ B để lại thì anh được hưởng diện tích đất bằng 1.100m² (thực đo 1.108,2m²) loại đất lúa, thuộc thửa 608, anh yêu cầu được hưởng diện tích đất này. Còn phần

còn lại của di chúc thì yêu cầu Hội đồng xét xử phân chia như trong di chúc cụ B đã để lại. Đối với diện tích đất bị thu hồi tại thửa 776, 248, anh T, anh P đã nhận tiền bồi thường thì anh không tranh chấp và căn nhà thờ cúng hiện do anh P đang thờ cúng thì anh P quản lý theo di chúc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị L1, ông Nguyễn Văn Ý cùng trình bày: Bà L1 là con ruột của cụ Bùi Thị B, bà L1 thống nhất hàng thừa kế của cụ B như các nguyên đơn trình bày. Sau khi cụ B chết, bà L1 là người quản lý di chúc của cụ B. Vào năm 2019, bà L1 có đem di chúc ra để các con, cháu phân chia nhưng không thỏa thuận được. Di chúc cụ B để lại, bà L1 cũng thống nhất chia theo di nguyện của cụ B, để cho các cháu và con bà hưởng. Vào ngày 15/01/2007, bà L1 cùng chồng là ông Nguyễn Văn Ý có nhận chuyển nhượng 2.000m² đất của vợ chồng ông Phan Văn Đ2, bà Đặng Thị Đ1 với giá 27 chỉ vàng 24 kr nhưng bà không biết chính xác số thửa, tờ bản đồ vì giấy đất đang vay vốn tại Ngân hàng, diện tích đất này giáp với thửa đất 608 của cụ B ở hướng Bắc nên khi cụ B còn sống để thuận tiện cho việc canh tác nên vợ chồng bà L1, ông Ý có chuyển đổi diện tích đã nhận chuyển nhượng của ông Đ2, bà Đ1 2.000m² cho cụ B được sử dụng và vợ chồng bà L1, ông Ý sử dụng diện tích 2.000m² của cụ B, thửa 608 ở hướng N. Việc chuyển đổi này chỉ nói miệng không có giấy tờ và hiện nay thửa đất của bà L1, ông Ý đã chuyển đổi thì anh P đang canh tác 2.000m², thực đo 1.985,9m² nhưng bà L1, ông Ý không yêu cầu công nhận diện tích đất này cho vợ chồng ông, bà. Nếu Tòa án giải quyết chia diện tích đất đó cho ai hưởng theo di chúc thì bà L1, ông Ý cũng đồng ý giao lại toàn bộ diện tích đất 2.000m² thực đo 1.985,9m² theo bản án của Tòa án tuyên, còn thửa đất của ông, bà đã chuyển đổi mà anh P đang canh tác thì để ông, bà thỏa thuận giải quyết sau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Đ1, ông Phan Văn Đ2 cùng trình bày: Bà Đ1 là con ruột của cụ Bùi Thị B, bà Đ1 thống nhất hàng thừa kế của cụ B như các nguyên đơn trình bày. Cụ B để lại di chúc thì bà Đ1 cũng thống nhất phân chia theo di nguyện của cụ B để cho các cháu và con bà hưởng. Vào ngày 15/01/2007, bà Đ1 cùng chồng là ông Phan Văn Đ2 có chuyển nhượng 2.000m² đất (hướng Bắc giáp với thửa 608 của bà B) cho bà Đặng Thị L1, ông Nguyễn Văn Ý với giá 27 chỉ vàng 24 kr, vợ chồng ông, bà đã nhận đủ vàng và giao đất cho bà L1 sử dụng. Sau đó vợ chồng bà L1 chuyển đổi đất đã nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông, bà với cụ B. Hiện nay vợ chồng ông, bà đang canh tác phần diện tích thực đo 2.230,5m² của thửa 608 do anh P cho vợ chồng ông, bà canh tác. T2 hợp Tòa án giải quyết chia diện tích đất 2.230,5m² này cho ai hưởng theo di chúc thì ông, bà cũng đồng ý giao lại toàn bộ diện tích đất này theo bản án của Tòa án tuyên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trịnh Thị Thu H trình bày: Chị H là vợ của anh Phan Văn P, các thửa đất 248, 608 và 776 là di sản của cụ Bùi Thị B để lại, chị không có phần trong khối di sản này. Chị H không có tu bổ cũng như không có công sức đóng góp gì đối với các thửa đất trên nên chị H không có yêu cầu gì trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện T: Không có ý kiến.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2024/DS-ST ngày 20 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tiều Cầm đã quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị L, anh Lưu Hoàng N, anh Lưu Hoàng T về yêu cầu chia thừa kế theo di chúc và chấp nhận một phần yêu cầu chia tài sản chung trong hộ của anh Phan Văn P đối với các thửa đất số 248, 608 và 776, đất tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

2. Chị Phạm Thị L, anh Lưu Hoàng T, anh Lưu Hoàng N, anh Phan Văn P, anh Phan Tấn Đ không có yêu cầu chia giá trị tài sản, trả giá trị tài sản cũng như công sức tu bổ đất, tiền bồi thường nên không xem xét, giải quyết.

3. Chị Phạm Thị L được quyền sử dụng diện tích 1.800m² (Phần A của sơ đồ khu đất), loại đất trồng lúa, thuộc thửa số 608, tờ bản đồ số 6, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

4. Anh Lưu Hoàng N được quyền sử dụng diện tích 997,4m² (Phần B của sơ đồ khu đất), loại đất trồng lúa, thuộc thửa số 608, tờ bản đồ số 6, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

5. Anh Phan Tấn Đ được quyền sử dụng diện tích 997,5m² (Phần C của sơ đồ khu đất), loại đất trồng lúa, thuộc thửa số 608, tờ bản đồ số 6, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

6. Anh Phan Văn P được quyền sử dụng diện tích 421,5m² (Phần D của sơ đồ khu đất), loại đất trồng lúa, thuộc thửa số 608, tờ bản đồ số 6, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

7. Anh Lưu Hoàng T được quyền sử dụng diện tích 2.098,8m², trong đó có diện tích 1.325,8m² (Phần C của sơ đồ khu đất) tại thửa 776, loại đất thổ quả (Trong đó có diện tích 70m² đất thổ), tờ bản đồ số 4 và diện tích 773m² (Phần D của sơ đồ khu đất) tại thửa 248, đất trồng cây lâu năm, tờ bản đồ số 22, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh gắn liền cây trái có trên đất.

8. Anh Phan Văn P được quyền sử dụng diện tích 1.203,6m² (Phần A của sơ đồ khu đất), loại đất thổ quả (Trong đó có diện tích 65m² đất thổ), ở hướng tây, thuộc

thửa số 776, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh, gắn liền 01 căn nhà sau mái tol có diện tích 52,8m²; 01 chuồng bò, khung cột, gỗ tạp, nền láng xi măng, không vách có diện tích 15,20m², có nền láng xi măng, có xây có diện tích 45,5m² và cây trái có trên đất.

9. Đối với 02 căn nhà dùng để thờ cúng (Bao gồm 01 căn nhà cũ có diện tích 62,2m² (G1) và 01 căn nhà tình nghĩa có diện tích 48,5m² (G2) và đường đi vào nhà) có tổng diện tích 289,9m² (Phần B của sơ đồ khu đất), thuộc thửa số 776, loại đất quả, tờ bản đồ số 6, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh giao anh Phan Văn P quản lý, sử dụng và chăm sóc để dùng vào việc thờ cúng nhưng anh P không có quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, thế chấp, góp vốn quyền sử dụng đất.

(Các phần đất phân chia nêu trên có kèm theo sơ đồ khu đất).

10. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn Ý, ông Phan Văn Đ2, bà Đặng Thị L1, bà Đặng Thị Đ1 cùng có nghĩa vụ giao lại thửa đất 608, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh cho chị Phạm Thị L, anh Lưu Hoàng N, anh Phan Tấn Đ, anh Phan Văn P sử dụng. Ông Nguyễn Văn Ý, bà Đặng Thị L1 không có yêu cầu giải quyết về việc chuyển đổi quyền sử dụng đất tại thửa 608 nên không đặt ra xem xét.

11. Khi án có hiệu lực pháp luật thì chị Phạm Thị L, anh Lưu Hoàng T, anh Lưu Hoàng N, anh Phan Tấn Đ, anh Phan Văn P có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền về quản lý đất đai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo nội dung bản án đã tuyên.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, chi phí thẩm định, định giá và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 03 tháng 4 năm 2024, bị đơn anh Phan Văn P kháng cáo Bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chia cho anh P được hưởng ½ diện tích các thửa đất 608, 248, 776; ½ diện tích còn lại của thửa các thửa đất 608, 248, 776 chia cho anh P một suất thừa kế theo pháp luật, phần còn lại thì anh P đồng ý chia theo di chúc của cụ Bùi Thị B.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, bị đơn anh P giữ nguyên đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của vị Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, vị Kiểm sát viên cho rằng: Các thửa đất 608, 248, 776 là của cụ Bùi Thị B để lại, việc này được các đương sự trong vụ án thừa nhận. Ngày 22/01/2014, cụ Bùi Thị B lập di chúc chia các thửa đất 608, 248, 776 cho chị L, anh N, anh T, anh P, anh Đ và dành một phần dùng vào việc thờ cúng. Tờ di chúc này được lập thành văn bản, có hai người làm chứng và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh chứng thực. Theo những người làm chứng đều xác nhận chính cụ B trực tiếp đến Ủy ban nhân dân xã T lập di chúc và ký tên, lăn tay vào di chúc, thời điểm lập di chúc cụ B có đủ sức khỏe, tinh thần minh mẫn và hoàn toàn tự nguyện. Do đó, Tờ di chúc của cụ B lập ngày 22/01/2014 là phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Phạm Thị L, anh Lưu Hoàng N, anh Lưu Hoàng T, bị đơn anh Phan Văn P, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị L1, bà Đặng Thị Đ1, anh Phan Tấn Đ đều thừa nhận cụ Bùi Thị B với cụ Đặng Nghĩa T3 có 03 người con gồm: Bà Đặng Thị L2 (chết, có 01 người con là chị Phạm Thị L), bà Đặng Thị L1, bà Đặng Thị Đ1; thừa nhận các thửa đất 608, 248, 776 là của cụ B chết để lại; thừa nhận không có công sức tu bổ, cải tạo gì trên các thửa đất này. Đây là những tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Việc anh Phan Văn P cho rằng các thửa đất 608, 776, 248 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cụ Bùi Thị B đại diện hộ đứng tên, hộ cụ Bạch chỉ có anh P và cụ B nên anh P cho rằng 1/2 diện tích các thửa đất này là của anh P; 1/2 diện tích còn lại của cụ B. Hội đồng xét xử xét thấy, các thửa đất 248, 608, 776 có nguồn gốc là cụ B được cha mẹ cụ B cho cụ B, anh P và các đương sự còn lại trong vụ án đều thừa nhận việc này; anh P cũng thừa nhận anh không có công sức tạo lập cũng như tu bổ, cải tạo gì trên thửa đất này. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định các thửa đất 248, 608, 776 là di sản của cụ B, việc anh P cho rằng do anh có chung hộ khẩu với cụ B nên 1/2 diện tích các thửa đất trên là của anh là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Đối với Tờ di chúc ngày 22/01/2014: Tờ di chúc này được lập thành văn bản, có hai người làm chứng và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh chứng thực. Theo những người làm chứng việc lập di chúc là ông Đinh Văn P1 và bà Giáng Thị N1 đều xác nhận, chính cụ Bùi Thị B trực tiếp đến Ủy ban nhân dân xã T lập di chúc và ký tên, lăn tay vào di chúc, ông P1, bà N1 có ký tên làm chứng trong di chúc, thời điểm lập di chúc cụ B có đủ sức khỏe, tinh thần minh mẫn và hoàn toàn tự nguyện. Bà L1, bà Đ1 là hàng thừa kế thứ nhất của cụ B cũng thống nhất với nội dung di chúc của cụ B. Do đó, Tờ di chúc do cụ B lập ngày 22/01/2014 là phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật.

[4] Việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo di chúc của nguyên đơn nhưng đã tính công sức gìn giữ, quản lý di sản cho bị đơn anh P bằng 10% giá trị di sản là đã đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của anh P.

[5] Từ những chứng cứ và phân tích trên [1], [2], [3], [4], Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của anh Phan Văn P là không có cơ sở chấp nhận.

[6] Xét ý kiến của vị Kiểm sát viên, như phân tích ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Phan Văn P phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Phan Văn P.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2024/DS-ST ngày 20 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ các Điều 623, 624, 625, 626, 627, 628, 630, 631, 632, 635, 643, 645, 659 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 167 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị L, anh Lưu Hoàng N, anh Lưu Hoàng T yêu cầu chia thừa kế theo di chúc của cụ Bùi Thị B đối với các thửa đất số 248, 608, 776, tọa lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn anh Phan Văn P yêu cầu chia tài sản chung trong hộ, chia cho anh P $\frac{1}{2}$ diện tích của các thửa đất số 248, 608, 776, tọa lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh, phần diện tích còn lại của các thửa đất 248, 608, 776 sau khi trừ diện tích phần nhà thì chia theo di chúc.

Chia cho chị Phạm Thị L được quyền quản lý, sử dụng diện tích 1.800m² (Phần ký hiệu A), loại đất trồng lúa, thuộc thửa số 608, tờ bản đồ số 6, tọa lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Đất có vị trí, tứ cận như sau:

Hướng Đông: Giáp thửa 487, 488, 487 có số đo 38,99m;

Hướng Tây: Giáp thửa 477, 478, 479 có số đo 38,90m;

Hướng Nam: Giáp phần B của thửa 608 có số đo 46,21m;

Hướng Bắc: Giáp thửa 482 có số đo 46,01m.

(Có Sơ đồ khu đất kèm theo công văn 666/CNHTC – KT ngày 09/4/2024)

Chia cho anh Lưu Hoàng N được quyền quản lý, sử dụng diện tích 997,4m² (Phần ký hiệu B), loại đất trồng lúa, thuộc thửa số 608, tờ bản đồ số 6, tọa lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Đất có vị trí, tứ cận như sau:

H: Giáp thửa 487 có số đo 21,73m;

Hướng Tây: Giáp thửa 479 có số đo 21,73m;

Hướng Nam: Giáp phần C của thửa 608 có số đo 45,84m;

Hướng Bắc: Giáp phần A của thửa 608 có số đo 46,21m.

(Có Sơ đồ khu đất kèm theo công văn 666/CNHTC – KT ngày 09/4/2024)

Chia cho anh Phan Tấn Đ được quyền quản lý, sử dụng diện tích 997,5m² (Phần ký hiệu C), loại đất trồng lúa, thuộc thửa số 608, tờ bản đồ số 6, tọa lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Đất có vị trí, tứ cận như sau:

H: Giáp thửa 487 có số đo 21,75m;

Hướng Tây: Giáp thửa 479 có số đo 21,75m;

Hướng Nam: Giáp phần D của thửa 608 có số đo 45,88m;

Hướng Bắc: Giáp phần B của thửa 608 có số đo 45,84m.

(Có Sơ đồ khu đất kèm theo công văn 666/CNHTC – KT ngày 09/4/2024)

Chia cho anh Phan Văn P được quyền quản lý, sử dụng diện tích 421,5m² (Phần ký hiệu D), loại đất trồng lúa, thuộc thửa số 608, tờ bản đồ số 6, tọa lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Đất có vị trí, tứ cận như sau:

H: Giáp thửa 487 có số đo 10,33m;

Hướng Tây: Giáp thửa 479 có số đo 8,04m;

Hướng Nam: Giáp thửa 480, 481 có số đo 45,95m;

Hướng Bắc: Giáp phần C của thửa 608 có số đo 45,88m.

(Có Sơ đồ khu đất kèm theo công văn 666/CNHTC – KT ngày 09/4/2024)

Chia cho anh Lưu Hoàng T được quyền quản lý, sử dụng diện tích 2.098,8m²: Trong đó có diện tích 1.325,8m² (Phần ký hiệu C; trong 1.325,8m² có 70m² đất thổ, 1.255,8m² đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa 776, tờ bản đồ số 4 và diện tích 773m² (Phần ký hiệu D), loại đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa 248, tờ bản đồ số 22, cùng tọa lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh gắn liền cây trái có trên đất.

* Diện tích 1.325,8m² (Phần ký hiệu C) thuộc thửa 776, có vị trí, tứ cận như sau:

H: Giáp phần D của thửa 248, 52 có số đo 81,97m;

Hướng Tây: Giáp phần A, B của thửa 776 có số đo 103,7m;

Hướng Nam: Giáp thửa 55 có số đo 28,55m;

Hướng Bắc: Giáp Đường giao thông nối liền xã T- N, nhựa có số đo 9,84m.

(Có Sơ đồ khu đất kèm theo công văn 666/CNHTC – KT ngày 09/4/2024)

* Diện tích 773m² (Phần ký hiệu D) thuộc thửa 248, có vị trí, tứ cận như sau:

Hướng Đông: Giáp thửa 352, 52 có số đo 72,85m;

Hướng Tây: Giáp phần C của thửa 776 có số đo 72,67m;

Hướng Nam: Giáp thửa 52 có số đo 4,70m;

Hướng Bắc: Giáp Đường giao thông nối liền xã T - N, nhựa có số đo 20,31m.

(Có Sơ đồ khu đất kèm theo công văn 666/CNHTC – KT ngày 09/4/2024)

Chia cho anh Phan Văn P được quyền quản lý, sử dụng diện tích 1.203,6m² (Phần ký hiệu A; trong đó có 65m² đất thổ, 1.138,6m² đất trồng cây lâu năm), thuộc thửa số 776, tờ bản đồ số 4, tọa lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh, gắn liền 01 căn nhà sau mái tol có diện tích 52,8m²; 01 chuồng bò, khung cột, gỗ tạp, nền lán xi măng, không vách có diện tích 15,20m², có nền lán xi măng, có xây có diện tích 45,5m² và cây trái có trên đất. Đất có vị trí, tứ cận như sau:

Hướng Đông: Giáp phần B, C của thửa 776 có số đo 80,16m;

Hướng Tây: Giáp thửa 1032 có số đo 81,60m;

Hướng Nam: Giáp thửa 55 có số đo 9,35m;

Hướng Bắc: Giáp Đường giao thông nối liền xã T- N, nhựa có số đo 21,55m.

(Có Sơ đồ khu đất kèm theo công văn 666/CNHTC – KT ngày 09/4/2024)

Chị Phạm Thị L, anh Lưu Hoàng T, anh Lưu Hoàng N, anh Phan Tấn Đ, anh Phan Văn P được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án này.

3. Đối với 02 căn nhà dùng để thờ cúng gồm: 01 căn nhà cũ có diện tích 62,2m² (phần ký hiệu G1) và 01 căn nhà tình nghĩa có diện tích 48,5m² (phần ký hiệu G2) và đường đi vào nhà, tổng diện tích 289,9m² (Phần ký hiệu B), thuộc thửa số 776, loại đất quả, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh là di sản dùng vào việc thờ cúng, giao cho anh Phan Văn P quản lý, sử dụng và chăm sóc để

dùng vào việc thờ cúng nhưng anh P không có quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, thế chấp, góp vốn quyền sử dụng đất. Đất có vị trí, tứ cận như sau:

H: Giáp phần C của thửa 776 có số đo 48,34m;

Hướng Tây: Giáp phần A của thửa 776 có số đo 38,53m;

Hướng Nam: Giáp phần C của thửa 776 có số đo 13,10m;

Hướng Bắc: Giáp Đường giao thông nối liền xã T - N, nhựa có số đo 03m.

(Có Sơ đồ khu đất kèm theo công văn 666/CNHTC – KT ngày 09/4/2024)

4. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn Ý, ông Phan Văn Đ2, bà Đặng Thị L1, bà Đặng Thị Đ1 cùng có nghĩa vụ giao lại thửa đất 608, tờ bản đồ số 6, tọa lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh cho chị Phạm Thị L, anh Lưu Hoàng N, anh Phan Tấn Đ, anh Phan Văn P quản lý, sử dụng phần được phân chia.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc anh Phan Văn P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà anh P đã nộp theo biên lai thu số 0002872 ngày 15/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh, anh P không phải nộp tiếp.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Hùng